

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THỂ THAO TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THỂ THAO TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL SPORT DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GLOBAL SPORT.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109665309

**3. Ngày thành lập:** 09/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 78B/2, Ngõ 28 Đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936229191

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9311(Chính) |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649        |
| 5.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4763        |
| 6.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4771        |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Loại trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020        |
| 8.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7320        |
| 10. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7721        |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8230        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 13. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8551        |
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Việc đưa ra và cung cấp việc hướng dẫn và đào tạo đặc biệt, thường là cho người đã trưởng thành và không thể so sánh được với giáo dục thông thường. Không kể các trường học viện, các trường cao đẳng và các trường đại học. Việc giảng dạy có thể được tiến hành ở nhiều môi trường khác nhau như ở các đơn vị hoặc theo điều kiện học của khách hàng, các tổ chức giáo dục, nơi làm việc hoặc tại nhà, có thể thông qua thư, tivi, internet, ở các phòng học hoặc qua các phương tiện khác. Việc dạy học này không dẫn đến được cấp bằng tốt nghiệp trung học, hoặc bằng tốt nghiệp đại học | 8559        |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8560        |
| 16. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9610        |
| 17. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9631        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                       | Loại cổ<br>phần         | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>HOÀNG SƠN      | Tổ 29 Cụm 4,<br>Phường Xuân La,<br>Quận Tây Hồ,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 24.000        | 240.000.000              | 12,000       | 0010900002<br>24                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                          | Tổng số                 | 24.000        | 240.000.000              | 12,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐINH CÔNG<br>TIẾN        | Tổ 1 Hòa Tây,<br>Phường Vĩnh<br>Hoà, Thành phố<br>Nha Trang, Tỉnh<br>Khánh Hòa, Việt<br>Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       | 225572507                                                                                                              |            |
|     |                          |                                                                                                          | Tổng số                 | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
| 3   | PHẠM NGỌC<br>VƯỢNG       | Số 36 Lý Thường<br>Kiệt, Phường<br>Hoàng Văn Thụ,<br>Quận Hồng Bàng,<br>Thành phố Hải<br>Phòng, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 36.000        | 360.000.000              | 18,000       | 0310920098<br>59                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                          | Tổng số                 | 36.000        | 360.000.000              | 18,000       |                                                                                                                        |            |
| 4   | NGUYỄN<br>ĐÌNH<br>TRƯỜNG | Thôn Hoa Vôi,<br>Thị trấn Quốc<br>Oai, Huyện Quốc<br>Oai, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 60            | 600.000.000              | 30,000       | 0010890093<br>69                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                          | Tổng số                 | 60            | 600.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
| 5   | VŨ DANH TÀI              | Tổ dân phố Đình<br>Tổ, Thị trấn<br>Quốc Oai, Huyện<br>Quốc Oai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam         | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       | 0010920186<br>50                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                          | Tổng số                 | 40.000        | 400.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090000224

Ngày cấp: 23/03/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Tổ 29 Cụm 4, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 29 Cụm 4, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội